

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 328/2024/HNGĐ-ST
Ngày 24-12-2024
V/v ly hôn, nuôi con chung giữa
chị A và anh B

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đính.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Việt Hùng;

Bà Nguyễn Thị Thuý Mùi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 275/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 210/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Triệu Thị A, sinh năm 2004; địa chỉ: Xóm C, xã D, huyện E, tỉnh Nam Định;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1999; địa chỉ: Xóm C, xã D, huyện E, tỉnh Nam Định.

(chị A, anh B xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Triệu Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị A và anh Nguyễn Văn B đăng ký kết hôn với nhau ngày 21/10/2022 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện E trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh B tại xóm C, xã D. Vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B không chịu khó làm kinh tế,

cộng thêm tính tình vợ chồng không hợp quan điểm lối sống khác nhau nên trong cuộc sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Đầu năm 2024 chị đã đưa con về nhà ông, bà ngoại ở tỉnh F chung sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị A nhận thấy tình cảm của chị đối với anh B không còn nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là Nguyễn Anh G, sinh ngày 21/3/2023. Hiện nay con đang ở cùng chị A. Khi ly hôn chị có nguyện vọng tiếp tục được nuôi con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con. Hiện chị đang làm nghề chăm sóc sắc đẹp phụ nữ với mức thu nhập trung bình khoảng 10.000.000đ/1 tháng nên chị có đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị A xác nhận không có.

Tại bản tự khai đề ngày 06/12/2024, quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày:

Anh thống nhất lời khai của chị A về thời gian vợ chồng kết hôn, chung sống, thời gian sống ly thân. Theo anh B, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2024, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, chị A tự ý bỏ nhà đi. Chị A đã nộp đơn xin ly hôn khi nào không thông báo cho anh biết. Nay anh B nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh có lời khai thống nhất với chị A về con chung, hiện nay con đang ở cùng chị A nên anh nhất trí để con cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị A.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh xác nhận không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Triệu Thị A và anh Nguyễn Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Thị A và anh Nguyễn Văn B là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã D, huyện E, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 21/10/2022. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh B tại xã D, đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ đó cho đến nay.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh B, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị

A và anh B xuất phát từ tính cách hai người không hợp nhau, chị A cho rằng do anh B còn không tu trí làm ăn, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không thay đổi nên chị A đã đưa con chung về nhà bố mẹ đẻ tại tỉnh F. Nay chị A xin ly hôn, anh B cũng xác định vợ chồng không thể hàn gắn được nên nhất trí ly hôn. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A, cho chị A được ly hôn anh B là phù hợp quy định khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung*: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Anh G, sinh ngày 21/3/2023. Hiện nay con chung đang ở cùng chị A, khi ly hôn chị A xin được nuôi con chung. Xét điều kiện nuôi con và nguyện vọng của hai bên thì thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, con chung do chị A nuôi dưỡng, chăm sóc. Quá trình giải quyết vụ án, anh B nhất trí để chị A nuôi dưỡng. Chị A xác nhận chị có công việc, thu nhập ổn định nên có đủ điều kiện nuôi con. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Anh G cho chị A nuôi dưỡng và không buộc anh B cấp dưỡng nuôi con cho chị (do chị không yêu cầu) là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị A và anh B đều xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Triệu Thị A phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Triệu Thị A và anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh G, sinh ngày 21/3/2023 cho chị Triệu Thị A trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị A. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

Nghĩa vụ bàn giao: Hiện nay cháu G đang ở cùng chị A nên hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ bàn giao con chung cho nhau nuôi dưỡng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Triệu Thị A phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0005864 ngày 14/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã D;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đính